TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 830/2026/QĐST-DS	*Hà nội, ngày 24 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật số: 85/2025-QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân được Quốc hội thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/07/2025.

Căn cứ Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hà Nội năm 2025.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của một số Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TANDTC;

Căn cứ khoản 2 Điều 17 - Luật phí và lệ phí 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành lập ngày 16/6/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 978/2026/TLST-DS ngày 20/11/2025;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn*: Ông Phạm Ngọc H sinh năm 1989;*

Nơi thường trú: Số A Đ, phường B, thành phố Hà Nội.

Bị đơn*: Công ty Cổ phần S;*

Trụ sở: Phòng 403, Tòa nhà O, số A Đ, phường K, thành phố Hà Nội.

Do Ông Nguyễn Đăng T Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc làm đại diện theo pháp luật.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 26/HĐHTKD ký ngày 15/02/2023 giữa Công ty Cổ phần S do Ông Nguyễn Đăng T Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc làm đại diện và Ông Phạm Ngọc H sinh năm 1989 và Phụ lục số 01 ngày 24/02/2023; Phụ lục số 02 ngày 30/6/2023; Phụ lục số 03 ngày 22/12/2023 có hiệu lực thi hành đối với các bên.

2.2. Xác định Khu nhà xưởng phục vụ triển khai dự án tại địa chỉ Thửa: đất số: 01, 41; Tờ bản đồ số: 17; địa chỉ: Đường X, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số: AP 176569; Ngày cấp: 12 tháng 8 năm 2009 do UBND tỉnh B cấp, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: T091/8/QĐ số 1366/QĐ-UBND có giá trị 2.500.000.000 đồng là thuộc quyền sở hữu của Ông Phạm Ngọc H sinh năm 1989;

2.3. Công ty Cổ phần S và Ông Phạm Ngọc H sinh năm 1989 xác định: Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 26/HĐHTKD ký ngày 15/02/2023 giữa Công ty Cổ phần S và Ông Phạm Ngọc H sinh năm 1989 và Phụ lục số 01 ngày 24/02/2023; Phụ lục số 02 ngày 30/6/2023; Phụ lục số 03 ngày 22/12/2023 có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2030.

2.4. Xác định Ông Phạm Ngọc H sinh năm 1989 được quyền tiếp tục kinh doanh, khai thác Khu nhà xưởng phục vụ triển khai dự án tại địa chỉ Thửa: đất số: 01, 41; Tờ bản đồ số: 17; địa chỉ: Đường X, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AP 176569; Ngày cấp: 12 tháng 8 năm 2009 do UBND tỉnh B cấp, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: T091/8/QĐ số 1366/QĐ-UBND cho đến hết ngày 31/12/2030 theo đúng quy định của pháp luật.

2.5. Về án phí:

Ông Phạm Ngọc H sinh năm 1989 tự nguyện chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 41.000.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu đồng); Ghi nhận Ông Phạm Ngọc H sinh năm 1989 đã nộp số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án là 41.000.000 đồng (Bốn mươi mốt triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0017158 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS nhân dân Khu vực 1 - Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Đình Trung